

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2025

V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “*Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Y M, sinh năm 1985. Nơi thường trú: Buôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị H Ỗ, sinh năm 1987. Nơi thường trú: Buôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Y M trình bày:* Tôi và cô H Ỗ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô H Ỗ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có hai con chung là cháu Y Q, sinh ngày 08/6/2005 và cháu Y N, sinh ngày 12/10/2011. Hiện cháu Y Q Niê đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Y N Niê hiện cháu đang sinh sống cùng với cô H Ỗ, nay ly

hôn tôi có nguyện vọng được giao cháu Y N cho cô H C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị H C có đơn trình bày:* Tôi và anh Y M chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Nay anh Y M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với anh Y M.

Trong thời gian chung sống, chúng tôi có hai con chung là Y Q, sinh ngày 08/6/2005 và cháu Y N, sinh ngày 12/10/2011. Đối với cháu Y Q, hiện cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Y N hiện cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Y M; Về quan hệ hôn nhân: Anh Y M được ly hôn với chị H C; Về con chung: Đối với cháu Y Q, sinh ngày 08/6/2005, hiện cháu Y Q đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Y N, sinh ngày 12/10/2011 cho chị H C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y N Niê đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Y M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị H C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk

theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, **Điều 228, Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Y M và chị H C đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện , tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk), theo giấy đăng ký kết hôn số 214 cấp năm 2006. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của anh Y M thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Y M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H C. Chị H C thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Y M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị H C đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy, quá trình chung sống anh Y M và chị H C bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đã sống ly thân, cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Y M, cho anh Y M được ly hôn với chị H C đồng ý.

[3] Về con chung: Anh Y M và chị H C có hai con chung là cháu Y Q Niê, sinh ngày 08/6/2005 và cháu Y N, sinh ngày 12/10/2011. Đối với cháu Y Q, sinh ngày 08/6/2005, hiện cháu Y Q đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Y N, sinh ngày 12/10/2011, hiện cháu đang sinh sống cùng với chị H C; nguyện vọng của cháu được ở với mẹ; anh Y M có nguyện vọng giao cháu Y N cho chị H C chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và được chị H C đồng ý. Do đó, HĐXX giao con chung là cháu Y N cho chị H C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y M và chị H C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Y M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Y M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Anh Y M và chị H C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Y M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; **Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Y M.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Y M được ly hôn với chị H C.

- Về con chung: Đối với cháu Y Q, sinh ngày 08/6/2005, hiện cháu Y Q đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Y N, sinh ngày 12/10/2011 cho chị H C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y M và chị H C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Y M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Y M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Anh Y M và chị H C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Y M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001893 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy